|  |  |
| --- | --- |
|  BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2021/TT-BKHĐT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu**

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;*

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;*

*Căn cứ Luật giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu,*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấuthầu đối với các gói thầu, dự án thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của Luật Đấu thầu và Điều 1 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

**Điều 2: Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân thực hiện việc đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấuthầu đối với các gói thầu, dự án thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của Luật Đấu thầu và Điều 1 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Tổ chức, cá nhân không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 của Thông tư này chọn áp dụng thực hiện việc đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

 1. *Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia* (sau đây gọi tắt là Hệ thống) theo quy định tại Khoản 26 Điều 4 của Luật Đấu thầu có địa chỉ tại <http://muasamcong.mpi.gov.vn>.

2. *Dự án e-GP* là dự án “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ” theo hình thức đối tác công tư (PPP), được phê duyệt theo Quyết định số 1546/QĐ-BKHĐT ngày 30/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Quyết định số 2032/QĐ-BKHĐT ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quyết định sửa đổi, bổ sung khác (nếu có).

3. *Hợp đồng Dự án e-GP* là thỏa thuận bằng văn bản giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Nhà đầu tư (là Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT), Doanh nghiệp Dự án e-GP (là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống Đấu thầu qua mạng Quốc gia) về việc Nhà nước nhượng quyền cho Nhà đầu tư, Doanh nghiệp Dự án e-GP thực hiện thiết thiết kế, xây dựng, cấp vốn, vận hành, bảo trì, nâng cấp và chuyển giao Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo hình thức đối tác công tư (PPP) và các phụ lục hợp đồng (nếu có).

4. *Doanh nghiệp Dự án* *e-GP* là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống Đấu thầu qua mạng Quốc gia do Nhà đầu tư trúng thầu Dự án e-GP thành lập với mục đích duy nhất là thực hiện Hợp đồng Dự án e-GP.

5. *Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia* thuộc Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư là Tổ chức vận hành Hệ thống theo quy định tại Điều 85 của Luật Đấu thầu.

6. *Chi phí sử dụng dịch vụ* bao gồm chi phí lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống; chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống, Báo Đấuthầu.

7. *Hợp đồng điện tử* là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo ra, được gửi đi, được nhận, ký số và được lưu trữ trên Hệ thống.

**Chương II**

**NGUYÊN TẮC THU CHI VÀ NGUỒN THU**

**Điều 4. Nguyên tắc thu chi đối với khoản thu Chi phí sử dụng dịch vụ**

1. Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia, Báo Đấu thầu, Doanh nghiệp Dự án e-GP có trách nhiệm thu, quản lý và sử dụng khoản thu Chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Thông tư này và Hợp đồng Dự án e-GP để cung cấp dịch vụ trên Hệ thống, Báo Đấu thầu.

2. Nguồn thu từ Chi phí sử dụng dịch vụ để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Duy trì, quản lý, vận hành và phát triển Hệ thống;

b) Đăng tải thông tin về đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống, Báo Đấu thầu;

c) Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống;

d) Các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư khác liên quan đến việc tổ chức quản lý, duy trì, vận hành và phát triển Hệ thống, Báo Đấu thầu.

3. Không sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu chi được hạch toán vào các quỹ theo quy định pháp luật hiện hành và chỉ phục vụ cho các nhiệm vụ quy định tại Khoản 2 Điều này.

**Điều 5. Các loại Chi phí sử dụng dịch vụ và mức thu**

1. Chi phí lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống:

a) Chi phí đăng ký tham gia Hệ thống (nộp 01 lần khi đăng ký) là 550.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng);

b) Chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống là 550.000 đồng/năm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Nhà thầu, nhà đầu tư phải nộp chi phí này kể từ năm thứ hai trở đi sau năm đăng ký tham gia Hệ thống;

c) Chi phí nộp hồ sơ dự thầu là 330.000 đồng/gói thầu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng); chi phí nộp hồ sơ đề xuất là 220.000 đồng/gói thầu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng);

d) Chi phí nhà thầu trúng thầu được tính bằng 0,033% giá trúng thầu nhưng tối đa là 3.300.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Đối với gói thầu chia theo lô thì chi phí nhà thầu trúng thầu được tính theo giá trị trúng thầu của mỗi lô.

đ) Chi phí sử dụng Hợp đồng điện tử được tính bằng 0,033% giá hợp đồng nhưng tối đa là 3.300.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Chi phí sử dụng Hợp đồng điện tử bao gồm các chi phí cho các Hợp đồng điện tử được ký kết trên Hệ thống hoặc Đơn hàng được ký số xác nhận thành công tại Phân hệ mua sắm điện tử.

2. Chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống, Báo Đấu thầu:

a) Chi phí đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển là 330.000 đồng/(gói thầu/dự án)/thứ tiếng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng);

b) Chi phí đăng tải thông báo mời chào hàng, danh sách ngắn là 165.000 đồng/gói thầu/thứ tiếng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

**Điều 6****. Tổ chức thu, nộp Chi phí sử dụng dịch vụ**

1. Thu Chi phí sử dụng dịch vụ

a) Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia có trách nhiệm thu chi phí quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 5 của Thông tư này. Tài khoản thu chi phí là tài khoản Việt Nam đồng của Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia mở tại ngân hàng thương mại.

b) Báo Đấu thầu có trách nhiệm thu chi phí quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này. Tài khoản thu chi phí là tài khoản Việt Nam đồng của Báo Đấu thầu mở tại ngân hàng thương mại. Khoản thu chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu được Báo Đấu thầu chuyển một phần sang Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện quản lý, giám sát việc nâng cấp, vận hành, phát triển Hệ thống nhằm bảo đảm Hệ thống hoạt động liên tục, ổn định phục vụ việc thực hiện đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống, phần còn lại được sử dụng để thực hiện chức năng đăng tải thông tin về đấu thầu trên Báo Đấu thầu.

c) Doanh nghiệp Dự án e-GP có trách nhiệm thu chi phí quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 5 của Thông tư này. Tài khoản thu chi phí là tài khoản Việt Nam đồng của Doanh nghiệp Dự án e-GP mở tại ngân hàng thương mại.

2. Thanh toán Chi phí sử dụng dịch vụ

a) Bên mời thầu thanh toán chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này tối đa là 07 ngày làm việc, kể từ ngày tự đăng tải thông tin hợp lệ trên Hệ thống.

b) Nhà thầu thanh toán chi phí theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này như sau:

- Đối với chi phí đăng ký tham gia Hệ thống, thời hạn thanh toán tối đa trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt đăng ký trên Hệ thống;

- Đối với chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu trên Hệ thống, thời hạn thanh toán trước ngày 01 tháng 4 hàng năm trừ năm thực hiện đăng ký trên Hệ thống; trường hợp trạng thái tài khoản của nhà thầu là tạm ngừng trong cả năm (tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm) thì nhà thầu không phải thanh toán chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực cho năm đó; trường hợp nhà thầu đã nộp chi phí duy trì tên và dữ liệu cho nhiều năm thì số tiền chi phí duy trì này được bảo lưu cho các năm trạng thái tài khoản của nhà thầu là tạm ngừng trong cả năm và được tự động khấu trừ cho các năm tiếp theo sau khi tài khoản nhà thầu được khôi phục trên Hệ thống.

- Đối với chi phí nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, thời hạn thanh toán tối đa trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày mở thầu;

- Đối với chi phí nhà thầu trúng thầu, thời hạn thanh toán tối đa trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống;

- Đối với chi phí sử dụng Hợp đồng điện tử, thời hạn thanh toán tối đa trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Hợp đồng điện tử được các bên ký số trên Hệ thống.

c) Nhà đầu tư thanh toán chi phí tham gia Hệ thống theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 5 của Thông tư này như sau:

- Đối với chi phí đăng ký tham gia Hệ thống, thanh toán tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt đăng ký trên Hệ thống;

- Đối với chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà đầu tư trên Hệ thống, thời hạn thanh toán trước ngày 01 tháng 4 hàng năm trừ năm thực hiện đăng ký trên Hệ thống.

**Chương III**

**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KHOẢN THU CHI PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ**

**Mục 1**

**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KHOẢN THU CHI PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA TRUNG TÂM ĐẤU THẦU QUA MẠNG QUỐC GIA, BÁO ĐẤU THẦU**

**Điều 7. Nội dung chi đối với khoản thu Chi phí sử dụng dịch vụ của Báo Đấu thầu**

1. Chi thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

2. Chi thực hiện đăng tải thông tin về đấu thầu trên Báo Đấu thầu bao gồm:

a) Chi in Báo;

b) Chi vận chuyển và phát hành Báo trên toàn quốc;

c) Chi cho cá nhân tham gia hoạt động đăng tải thông tin về đấu thầu bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản chi hợp lệ khác cho người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Chi văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, ứng dụng công nghệ thông tin và các dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động đăng tải thông tin về đấu thầu;

đ) Chi mua sắm, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, bảo hành, bảo trì, nâng cấp hệ thống tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động đăng tải thông tin về đấu thầu;

e) Chi tổ chức, quản lý hoạt động đăng tải, phát hành thông tin về đấu thầu;

g) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động đăng tải thông tin về đấu thầu.

3. Phân phối kết quả tài chính, trích lập các quỹ thực hiện theo cơ chế tự chủ tuân thủ quy định của pháp luật.

**Điều 8. Nội dung chi đối với khoản thu Chi phí sử dụng dịch vụ của Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia**

1. Chi thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

2. Chi tổ chức quản lý, giám sát đăng tải thông tin đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống.

3. Chi thực hiện triển khai áp dụng đấu thầu qua mạng bao gồm:

a) Chi tổ chức quản lý, giám sát, vận hành và phát triển Hệ thống;

b) Chi quản lý, giám sát Doanh nghiệp dự án e-GP;

c) Chi hoạt động hướng dẫn, đào tạo người sử dụng Hệ thống;

d) Chi hoạt động truyền thông, hợp tác quốc tế về đấu thầu qua mạng;

đ) Chi hoạt động liên quan đến công việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ tham gia Hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đấu thầu, quản lý cơ sở dữ liệu;

e) Chi đầu tư, sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 của Nghị định 141/2016/NĐ-CP;

g) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động triển khai áp dụng đấu thầu qua mạng.

4. Phân phối kết quả tài chính, trích lập các quỹ thực hiện theo cơ chế tự chủ tuân thủ quy định của pháp luật.

**Điều 9. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch thu, chi**

1. Lập, phê duyệt kế hoạch thu, chi hàng năm:

a) Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia lập kế hoạch thu và kế hoạch chi liên quan đến lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống; đăng tải thông tin về đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư theo các nội dung tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này trình Cục Quản lý đấu thầu hoặc Hội đồng quản lý (nếu có) phê duyệt.

b) Báo Đấu thầu lập kế hoạch thu và kế hoạch chi liên quan đến đăng tải thông tin về đấu thầu trên Báo Đấu thầu theo các nội dung tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này trình Cục Quản lý đấu thầu phê duyệt.

2. Điều chỉnh kế hoạch:

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh nhiệm vụ, Cục Quản lý đấu thầu hoặc Hội đồng quản lý (nếu có) được chủ động điều chỉnh các khoản chi tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này và chịu trách nhiệm về việc điều chỉnh trong phạm vi kế hoạch năm được duyệt. Việc điều chỉnh chỉ được thực hiện trong năm kế hoạch.

3. Quyết toán thu, chi hàng năm:

Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia, Báo Đấu thầu có trách nhiệm lập quyết toán thu, chi theo các nội dung tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này và quyết toán vào kinh phí hoạt động của Cục Quản lý đấu thầu.

**Mục 2**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ CÔNG TÁC BÁO CÁO, KIỂM TRA, GIÁM SÁT KHOẢN THU CHI PHÍ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP DỰ ÁN E-GP**

**Điều 10. Nội dung chi đối với khoản thu Chi phí sử dụng dịch vụ của Doanh nghiệp Dự án e-GP**

1. Chi thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

2. Chi thực hiện các nhiệm vụ để đảm bảo chất lượng dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng Dự án e-GP.

3. Phân phối kết quả tài chính thực hiện theo quy định tại Hợp đồng Dự án e-GP và quy định pháp luật.

**Điều 11. Quy định về công tác báo cáo, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm**

1. Doanh nghiệp Dự án e-GP có trách nhiệm báo cáo doanh thu Chi phí sử dụng dịch vụ định kỳ hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia, Cục Quản lý đấu thầu. Yêu cầu báo cáo được quy định cụ thể như sau:

a) Báo cáo doanh thu về Chi phí sử dụng dịch vụ: báo cáo tháng trước ngày 15 của tháng tiếp theo, báo cáo Quý trước ngày 15 của Quý tiếp theo; báo cáo năm trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo. Mẫu biểu báo cáo quy định tại Mẫu số 1 đến Mẫu số 7 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trước ngày 15 tháng 3 của năm tiếp theo.

c) Doanh nghiệp Dự án e-GP chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo và tuân thủ quy định của pháp luật.

 2. Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động thu chi phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 của Doanh nghiệp Dự án e-GP đảm bảo hoạt động thu đúng quy định, báo cáo kịp thời các vi phạm và đề xuất cách thức xử lý đến Cục Quản lý đấu thầu để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định xử lý vi phạm.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

**Điều 12. Trách nhiệm của Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia, Báo Đấu thầu**

1. Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia có trách nhiệm:

a) Thông báo công khai trên Hệ thống quy trình thu Chi phí sử dụng dịch vụ bao gồm cách thức thu, phương thức thu, đối tượng thu, mức thu;

b) Thông báo công khai trên Hệ thống các thông tin về tên Dự án e-GP, Doanh nghiệp Dự án e-GP, thời điểm Doanh nghiệp Dự án e-GP bắt đầu được thu tiền, số điện thoại để tiếp nhận thông tin phản ánh;

c) Giám sát dữ liệu thu đối với khoản thu Chi phí sử dụng dịch vụ của Doanh nghiệp Dự án e-GP trên Hệ thống;

d) Tổ chức thu các Chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

đ) Tổ chức chi các khoản thu Chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này;

2. Báo Đấu thầu có trách nhiệm:

a) Tổ chức thu các Chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

b) Tổ chức chi các khoản thu Chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

**Điều 13. Trách nhiệm của bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư**

1. Bên mời thầu có trách nhiệm thanh toán chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu theo thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Thông tư này. Hết thời hạn thanh toán chi phí nêu trên, nếu bên mời thầu không thanh toán chi phí thì bên mời thầu không thực hiện được việc đăng tải thông tin về đấu thầu trên Hệ thống đối với các gói thầu tiếp theo.

 2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán chi phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Thông tư này. Hết thời hạn thanh toán chi phí nêu trên, nếu nhà thầu không thanh toán chi phí thì tài khoản của nhà thầu trên Hệ thống sẽ bị chuyển trạng thái là tạm ngừng và không thực hiện được các giao dịch liên quan trên Hệ thống.

3. Nhà đầu tư có trách nhiệm thanh toán chi phí quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư này. Hết thời hạn thanh toán chi phí nêu trên, nếu nhà đầu tư không thanh toán chi phí thì tài khoản của nhà đầu tư trên Hệ thống sẽ bị chuyển trạng thái là tạm ngừng và không thực hiện được các giao dịch liên quan trên Hệ thống.

 **Điều 14. Trách nhiệm của Doanh nghiệp Dự án e-GP**

1. Bảo đảm các chức năng của Hệ thống phục vụ công tác thu chi phí lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống hoạt động ổn định, liên tục, chuẩn xác.

2. Bảo đảm Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia có quyền truy xuất toàn bộ cơ sở dữ liệu thu Chi phí sử dụng dịch vụ của Doanh nghiệp Dự án e-GP trên Hệ thống theo thời gian thực để thực hiện việc giám sát theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 của Thông tư này.

3. Định kỳ hàng ngày sao lưu dữ liệu thu chi phí lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống để phục vụ công tác giám sát, hậu kiểm. Dữ liệu thu chi phí bao gồm: dữ liệu về doanh thu thu chi phí, chi tiết các giao dịch.

4. Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chức năng về các vấn đề liên quan đến công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, điều tra, xử lý các vấn đề liên quan đến Hệ thống.

5. Tổ chức thu các Chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

6. Tổ chức chi các khoản thu Chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này.

7. Thực hiện việc báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư này.

8. Thực hiện các trách nhiệm của Doanh nghiệp Dự án e-GP theo quy định tại Hợp đồng Dự án e-GP.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 15. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 và thay thế chương III của Thông tư số [11/2019/TT-BKHĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dau-tu/thong-tu-lien-tich-07-2015-ttlt-bkhdt-btc-cung-cap-dang-thong-tin-dau-thau-chon-nha-thau-qua-mang-289681.aspx) ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả.

2. Căn cứ quyết định tại điểm c, d, đ Khoản 1 Điều 5 Thông tư này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định về việc thời điểm bắt đầu thu và nội dung thu chi phí đối với Doanh nghiệp dự án e-GP.

3. Trong khoảng thời gian kể từ khi Thông tư này có hiệu lực đến thời điểm Doanh nghiệp Dự án e-GP bắt đầu thu theo quy định tại khoản 2 Điều này thì Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia tiếp tục thu chi phí nộp hồ sơ dự thầu, chi phí nộp hồ sơ đề xuất theo quy định tại Chương III của Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần bổ sung, điều chỉnh các nội dung về thu chi phí, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy Ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);- Công báo;- Cổng TTĐT Chính phủ;- Cổng TTĐT Kế hoạch và Đầu tư;- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Lưu: VT, Cục QLĐT (TL. ).  | **BỘ TRƯỞNG** **Nguyễn Chí Dũng** |

**PHỤ LỤC 1**

DANH MỤC HỒ SƠ, MẪU BIỂU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ DOANH THU CHI PHÍ THAM DỰ THẦU QUA MẠNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ……../2021/TT-BKHĐT ngày …./…./2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Báo cáo tháng** | **Báo cáo Quý** | **Báo cáo năm** |
| 1 | Mẫu số 01: Chi tiết số tiền thu Chi phí sử dụng dịch vụ của Doanh nghiệp Dự án e-GP  | x | x | x |
| 2 | Mẫu số 02: Tổng hợp giao dịch trên Hệ thống | x | x | x |
| 3 | Mẫu số 03: Chi tiết các khoản thu khác từ dự án giai đoạn vận hành, khai thác |   |   | x |
| 4 | Mẫu số 04: Chi tiết các khoản chi vận hành, bảo trì dự án |   |   | x |
| 5 | Mẫu số 05: Chi tiết lãi suất tiền vay giai đoạn kinh doanh khai thác |   |   | x |
| 6 | Mẫu số 06: Các chỉ tiêu tài chính khác giai đoạn kinh doanh khai thác |   |   | x |
| 7 | Mẫu số 07: Thuyết minh báo cáo |   |   | x |

**Mẫu số 01**

**CHI TIẾT SỐ TIỀN THU CHI PHÍ TRONG ĐẤU THẦU QUA MẠNG**

**Giai đoạn:...................**

**Dự án:.....................**

*Đơn vị tính (đồng)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên chi phí** | **Đơn giá** | **Số giao dịch** | **Thành tiền** |
| **Tổng số** | **Hình thức thu điện tử** | **Hình thức thu qua ngân hàng** | **Tổng số** | **Hình thức thu điện tử** | **Hình thức thu qua ngân hàng** |
| A | 1 | 2 | 3=4+5 | 4 | 5 | 6=7+8 | 8=4x2 | 9=5x2 |
| **I** | **Chi phí nộp hồ sơ đề xuất** |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Nhà thầu |   |   |   |   |   |   |   |
|   | …… |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** | **Chi phí nộp hồ sơ dự thầu** |   |   |   |   |   |   |   |
|   | Nhà thầu |   |   |   |   |   |   |   |
|   | ……. |   |   |   |   |   |   |   |
| **III** | **Chi phí nhà thầu trúng thầu** |   |   |   |   |   |   |   |
|  | Nhà thầu |   |   |   |   |   |   |   |
|  | ……. |   |   |   |   |   |   |   |
| **IV** | **Chi phí sử dụng Hợp đồng điện tử** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nhà thầu |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……. |  |  |  |  |  |  |  |
|   | **Tổng cộng** |   |   |   |   |   |   |   |

*Ghi chú: Báo cáo theo từng loại chi phí, số giao dịch; cột thành tiền cộng theo từng loại chi phí và tổng cộng*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Người đại diện theo pháp luậtcủa doanh nghiệp** |

**Mẫu số 02**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP GIAO DỊCH TRÊN HỆ THỐNG**

**Giai đoạn: ............................**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Hình thức thu** | **TỔNG HỢP GIAO DỊCH TRÊN HỆ THỐNG** | **Ghi chú** |
| **Loại chi phí** | **…..** |  |  |  | **Cộng** |
| *(1)* |  |   |   |   |   |   |   |   |
| 1 | Thu điện tử |   |   |   |   |   |   |   |
| Chuyển khoản ngân hàng |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 | Thu điện tử |   |   |   |   |   |   |   |
| Chuyển khoản ngân hàng |   |   |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **Cộng** | Thu điện tử |   |   |   |   |   |   |   |
| Chuyển khoản ngân hàng |   |   |   |   |   |   |   |
| Cộng |   |   |   |   |   |   |   |

*BVBBáo cáo năm: Cột ngày chuyển thành tháng.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Người đại diện theo pháp luậtcủa doanh nghiệp** |

**Mẫu số 03**

**CÁC KHOẢN THU KHÁC GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH**

**Giai đoạn: ..........................**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung các khoản thu** | **Số tiền** |
| 1 |   |   |
| 2 |   |   |
|   |   |   |
|   |   |   |
|   |   |   |
|   | **Cộng** |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Người đại diện theo pháp luậtcủa doanh nghiệp** |

**Mẫu số 04**

**CHI TIẾT CÁC KHOẢN CHI GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH**

**Giai đoạn:.......................**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Số tiền theo hợp đồng dự án** | **Số thỏa thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền** | **Số thực hiện** |
| 1 |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   | **Cộng** |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Người đại diện theo pháp luậtcủa doanh nghiệp** |

**Mẫu số 05**

**CHI TIẾT LÃI SUẤT TIỀN VAY GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH**

**Giai đoạn:......................**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày tháng năm áp dụng mức lãi suất** | **Lãi suất vay theo Phương án tài chính trong Hợp đồng Dự án e-GP** | **Lãi suất vay khung được quy định trong Hợp đồng Dự án e-GP** | **Lãi suất vay thực tế nhà đầu tư vay**  | **Lãi suất vay áp dụng** |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Người đại diện theo pháp luậtcủa doanh nghiệp** |

**Mẫu số 06**

**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH KHÁC GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH**

**Giai đoạn: .................................**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Quy định tại hợp đồng dự án** | **Thực tế** | **Mức áp dụng đề xuất** |
| 1 | Tỷ lệ trượt giá |   |   |   |
| 2 | Tỷ lệ chi tổ chức thu |   |   |   |
| 3 | Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu |   |   |   |
| 4 | Tỷ lệ tăng trưởng giao dịch |   |   |   |
| ... | ... |   |   |   |

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Người đại diện theo pháp luậtcủa doanh nghiệp** |

**Mẫu số 07**

**NHÀ ĐẦU TƯ:**

**ĐƠN VỊ THU:**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO**

**Giai đoạn:........................**

1. Tình hình giao dịch (đánh giá tình hình giao dịch thu chi phí trong đấu thầu qua mạng có xảy ra sự cố không? nếu có ghi cụ thể thời gian và nguyên nhân và giải pháp khắc phục...............);

2. Số lượng giao dịch (số lượng giao dịch tăng hay giảm, tăng giảm bao nhiêu %...............);

3. Công tác quản lý, bảo trì dự án (nhà đầu tư có thực hiện công tác bảo trì dự án theo quy định pháp luật và hợp đồng dự án không; có xây dựng quy trình bảo trì và lập kế hoạch bảo trì trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền không? Chi phí bảo trì cao hơn hay thấp hơn quy định tại hợp đồng, nguyên nhân tăng, giảm chi phí bảo trì....);

4. Tình hình thu (công tác tổ chức thu, có ý kiến kiến nghị của người dân về tình hình thu không, doanh thu tăng hay giảm, trong kỳ báo cáo có tăng giá vé không ...);

5. Lãi suất tiền vay thực tế tăng hay giảm bao nhiêu % so với hợp đồng, việc theo dõi lãi suất vay của nhà đầu tư ...;

6. Theo điều kiện của hợp đồng dự án có phải điều chỉnh phương án tài chính không, nếu phải điều chỉnh ghi cụ thể theo quy định tại điều khoản nào, nội dung quy định về điều chỉnh phương án tài chính và kiến nghị của nhà đầu tư như thế nào;

7. Kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra (nếu có ghi rõ số ngày tháng năm của kết luận, biên bản thanh tra kiểm tra, nhà đầu tư đã thực hiện kiến nghị như thế nào);

8. Các nội dung khác.

**PHỤ LỤC II**

KẾ HOẠCH THU VÀ KẾ HOẠCH CHI CÁC KHOẢN LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU VÀ THAM GIA HỆ THỐNG

A. Kế hoạch thu

*(Đơn vị tính: đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG THU** | **SỐ TIỀN** |
|  | **TỔNG SỐ (I+II+III+IV)** |  |
| **I** | **KINH PHÍ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG** |  |
| **II** | **THU ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU, LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ TRÊN HỆ THỐNG, BÁO ĐẤU THẦU** |  |
| 1 | Đăng tải thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển |   |
| 2 | Đăng tải thông báo mời thầu |   |
| 3 | Đăng tải thông báo mời chào hàng |   |
| 4 | Đăng tải danh sách ngắn |   |
| **III** | **THU ĐĂNG KÝ THAM GIA, DUY TRÌ TÊN VÀ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC TRÊN HỆ THỐNG**  |  |
| 1 | Thu đăng ký tham gia Hệ thống (nộp một lần khi đăng ký) |   |
| 2 | Thu duy trì tên và thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống (nộp vào Quý I hàng năm, trừ năm thực hiện đăng ký) |   |
| **IV** | **THU KHÁC (NẾU CÓ)** |  |

B. Kế hoạch chi

*(Đơn vị tính: đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG CHI** | **SỐ TIỀN** |
|  | **TỔNG SỐ (I+II+III+IV)** |  |
| **I** | **THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** |  |
| **II** | **CHI ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU TRÊN BÁO ĐẤU THẦU** |  |
| **III** | **CHUYỂN KHOẢN THU CHI PHÍ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU TỪ BÁO ĐẤU THẦU SANG TRUNG TÂM ĐẤU THẦU QUA MẠNG QUỐC GIA ĐỂ CHI THỰC HIỆN QUẢN LÝ, GIÁM SÁT ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU TRÊN HỆ THỐNG** |  |
| **IV** | **CHI THỰC HIỆN QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ THAM GIA HỆ THỐNG, DUY TRÌ TÊN VÀ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC TRÊN HỆ THỐNG** |  |
| 1 | Chi tổ chức quản lý, giám sát, vận hành và phát triển Hệ thống |   |
| 2 | Chi quản lý, giám sát Doanh nghiệp dự án e-GP |   |
| 3 | Chi hoạt động hướng dẫn, đào tạo người sử dụng Hệ thống |   |
| 4 | Chi hoạt động truyền thông, hợp tác quốc tế về đấu thầu qua mạng |   |
| 5 | Chi hoạt động liên quan đến công việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ tham gia Hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đấu thầu, quản lý cơ sở dữ liệu |   |
| 6 | Chi đầu tư, sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 của Nghị định 141/2016/NĐ-CP |  |
| 7 | Các khoản chi khác phục vụ hoạt động triển khai áp dụng đấu thầu qua mạng |  |
| 8 | Chi tổ chức quản lý, giám sát, vận hành và phát triển Hệ thống |  |
| **V** | **PHÂN PHỐI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH THEO CƠ CHẾ TỰ CHỦ** |  |

**PHỤ LỤC III**

QUYẾT TOÁN THU VÀ QUYẾT TOÁN CHI CÁC KHOẢN LIÊN QUAN ĐẾN THAM GIA HỆ THỐNG VÀ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU TRÊN BÁO ĐẤU THẦU

A. Quyết toán thu

*(Đơn vị tính: đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG THU** | **SỐ TIỀN** |
|  | **TỔNG SỐ (I+II+III+IV+V)** |  |
| **I** | **KINH PHÍ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG** |  |
| **II** | **THU ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU TRÊN BÁO ĐẤU THẦU** |  |
| 1 | Đăng tải thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển |   |
| 2 | Đăng tải thông báo mời thầu |   |
| 3 | Đăng tải thông báo mời chào hàng |   |
| 4 | Đăng tải danh sách ngắn |   |
| **III** | **THU ĐĂNG KÝ THAM GIA, DUY TRÌ TÊN VÀ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC TRÊN HỆ THỐNG** |  |
| 1 | Thu đăng ký tham gia Hệ thống (nộp một lần khi đăng ký) |   |
| 2 | Thu duy trì tên và thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống (nộp trước ngày 31/3 hàng năm, trừ năm thực hiện đăng ký) |   |
| **IV** | **THU KHÁC (NẾU CÓ)** |  |

B. Quyết toán chi

*(Đơn vị tính: đồng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG CHI** | **SỐ TIỀN** |
|  | **TỔNG SỐ (l+II+III+IV+V)** |  |
| **I** | **THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** |  |
| **II** | **CHI THỰC HIỆN ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU TRÊN BÁO ĐẤU THẦU** |  |
| **III** | **CHUYỂN KHOẢN THU CHI PHÍ ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU TỪ BÁO ĐẤU THẦU SANG TRUNG TÂM ĐẤU THẦU QUA MẠNG QUỐC GIA ĐẤU THẦU QUA MẠNG QUỐC GIA ĐỂ CHI THỰC HIỆN QUẢN LÝ, GIÁM SÁT ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU TRÊN HỆ THỐNG** |  |
| **IV** | **CHI THỰC HIỆN QUẢN LÝ ĐĂNG KÝ THAM GIA HỆ THỐNG, DUY TRÌ TÊN VÀ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC TRÊN HỆ THỐNG** |  |
| 1 | Chi tổ chức quản lý, giám sát, vận hành và phát triển Hệ thống |   |
| 2 | Chi quản lý, giám sát Doanh nghiệp dự án e-GP |   |
| 3 | Chi hoạt động hướng dẫn, đào tạo người sử dụng Hệ thống |   |
| 4 | Chi hoạt động truyền thông, hợp tác quốc tế về đấu thầu qua mạng |   |
| 5 | Chi hoạt động liên quan đến công việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ tham gia Hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đấu thầu, quản lý cơ sở dữ liệu |   |
| 6 | Chi đầu tư, sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 của Nghị định 141/2016/NĐ-CP |  |
| 7 | Các khoản chi khác phục vụ hoạt động triển khai áp dụng đấu thầu qua mạng |  |
| 8 | Chi tổ chức quản lý, giám sát, vận hành và phát triển Hệ thống |  |
| **V** | **PHÂN PHỐI KẾT QUẢ TÀI CHÍNH THEO CƠ CHẾ TỰ CHỦ** |  |